

**KẾ HOẠCH BAY NGÀY 30/07/2025**

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		Thor+TTC2	7:25	22+0	0+0		17+5	0+0	
2		PPD+Thor	7:25	16+6	0+0		8+14	0+0	
3		RP3+BK16	7:25	22+0	0+0		16+2	0+0	
4		RP3	7:25	19	0		16	0	puma
5		RC3+MRM	9:25	4+17	0+0		0+22	0+0	
6		RC10+RP2+MRM	9:25	0+20+1	0+0+0		0+18+3	0+0+0	chuyen 2 rc10-rp2
7		P4+TD1+VSP01	9:25	19+3+0	0+0+0		19+0+2	0+0+0	
8		RP2+RCDM+RC8+RP1	9:25	0+6+7	0+0+0		0+0+16	0+0+0	chuyen 2 rcdm-rp1; 1rcdm-rc8
9		CTC1+PPD	11:25	4+18	0+0		0+22	0+0	
10		P2+P11+P9	11:25	20+0+0	0+0+0		4+4+2	0+0+0	
11		P8+P10+Thor	11:25	0+14+5	0+0+0		3+0+19	0+0+0	chuyen 1 p8-p10

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.  
4 người P1 về qua THOR



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 30/07/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:30
B.CARD: XANH-1	TO: THOR - TTC2	CREW: HUNG - TTRUNG - VU	ETA: 09:20
VSP FLIGHT: 1		VNHS FLIGHT: TM25/2847	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	Kg			
1	BRENDAN HIRD	THOR	51-52	2	18			109	BORR DRIL	Australian
2	STEVE SAMSUN	THOR	58-59	2	20			92	BORR DRIL	Malaysian
3	NOCH JONNY RONDONUWU	THOR	53-54	2	13			76	ABL GROU	Indonesian
4	NGUYEN NGOC CHIEN	THOR	65-66	2	11			81	ABS	Vietnamese
5	MICHEL CLAUDE DENIS TURGEON	THOR	55-56	2	12			108	ZNEP	Canadian
6	LAM DUC TOAN	THOR	50	1	16			78	PVD OFFSH	Vietnamese
7	CHU VAN TUOC	THOR	63-64	2	10			72	INTL.SOS	Vietnamese
8	NAY LIN	THOR	48	1	4			62	BORR DRIL	Myanmar
9	ABD MALEK BIN AHMAD	THOR	61-62	2	15			62	GLOBAL M	Malaysian
10	NGUYEN NGOC LAN	THOR	42	1	6			68	PVD OFFSH	Vietnamese
11	NGUYEN VAN PHO	THOR	60	1	9			61	PVD OFFSH	Vietnamese
12	TRUONG CONG VU	THOR	49	1	4			69	PVD OFFSH	Vietnamese
13	NGO BA HOANG	THOR	46	1	7			63	PVD OFFSH	Vietnamese
14	PHAM VAN TRONG	THOR	57	1	8			67	PVD OFFSH	Vietnamese
15	TRAN VAN DUC	THOR	38	1	3			68	PVD OFFSH	Vietnamese
16	PHAM VAN DUNG	THOR	41	1	6			78	PVD OFFSH	Vietnamese
17	VU XUAN ANH	THOR	43	1	5			61	PVD OFFSH	Vietnamese
18	TON QUOC VU	THOR	45	1	4			78	PVD OFFSH	Vietnamese
19	BUI QUANG TUNG	THOR	39	1	6			78	PVD OFFSH	Vietnamese
20	TRINH VAN DAO	THOR	47	1	6			75	PVD OFFSH	Vietnamese
21	HO TRONG HUY	THOR	44	1	6			59	PVD OFFSH	Vietnamese
22	NGUYEN TRUNG HIEU	THOR	40	1	6			71	PVD OFFSH	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	THOR	22	1.636	29	195	0	0	17		
2	TTC2	0	0	0	0	0	0	5		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>1.636</b>	<b>29</b>	<b>195</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.636</b>		<b>195</b>		<b>0</b>			

GRAND TOAL: 1.831 KGS

VSP REP.

NGUYEN THUC HA

VNHS REP.

NGUYEN MAI PHI

CREW

LÊ QUÝ HUNG  
NGUYỄN THÀNH TRUNG





# FLIGHT MANIFEST



DATE: 30/07/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:35
B.CARD: CAM-1	TO: PPD - THOR	CREW: DUONG - N.CUONG - HUY	ETA: 09:25
VSP FLIGHT: 2		VNHS FLIGHT: TM25/2850	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	Kg			
1	TRAN NGUYEN TAN TAI	PPD	40	1	6			85	KHI	Vietnamese
2	HUYNH TAN THANH	PPD	42-44	3	13			73	KHI	Vietnamese
3	VU THANH BINH	PPD	30	1	4			81	KHI	Vietnamese
4	BUI THANH HAI	PPD	38	1	4			65	KHI	Vietnamese
5	VO QUANG DAT	PPD	33	1	4	4	60	55	KHI	Vietnamese
6	ĐANG HONG QUAN	PPD	35	1	4			74	KHI	Vietnamese
7	PHAM ĐUC TOAN LỘC	PPD	34	1	4			83	KHI	Vietnamese
8	NGUYEN VIET DAT	PPD	47	1	3			74	KHI	Vietnamese
9	NGUYEN TIEN QUANG	PPD	37	1	4			69	KHI	Vietnamese
10	CAO NAM QUY	PPD	45	1	5			70	KHI	Vietnamese
11	LE HONG PHONG	PPD	36	1	8			81	KHI	Vietnamese
12	NGUYEN TRUONG SON	PPD	31-32	2	11			62	KHI	Vietnamese
13	LE THANH TUAN	PPD	39	1	7			83	ANTOAN	Vietnamese
14	PHAN TIEN DAT	PPD	49-50	2	10			83	KH-THAC	Vietnamese
15	VU VAN CHIEN	PPD	41	1	4			73	KHI	Vietnamese
16	TRAN NGUYEN PHUONG	PPD	46	1	4			69	KHI	Vietnamese
17	PHAM VIET CHUONG	THOR	72	1	2			67	PVD OFFSH	Vietnamese
18	PHAM TUAN VIET	THOR	69	1	7			89	ĐANG KIEN	Vietnamese
19	LE NGOC THU	THOR	70-71	2	11			78	PVD OFFSH	Vietnamese
20	PHAM NGOC PHUONG	THOR	77	1	11	6	76	72	CODIEN	Vietnamese
21	NGUYEN CONG PHU	THOR	80	1	9			76	CODIEN	Vietnamese
22	TRAN CHINH CUONG	THOR	73	1	9			74	PSV	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	PPD	16	1.180	20	95	4	60	8		
2	THOR	6	456	7	49	6	76	14		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>1.636</b>	<b>27</b>	<b>144</b>	<b>10</b>	<b>136</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.636</b>		<b>144</b>		<b>136</b>			

GRAND TOAL: 1.916 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỰC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ NGỌC HÀ

CREW

BÙI HOÀNG DƯƠNG

PHAN NHƯ CƯỜNG



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 30/07/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:40
B.CARD: VANG-3	TO:RP3 - BK16	CREW: LINH - HTRUNG - MQUÂN	ETA: 09:30
VSP FLIGHT: 3		VNHS FLIGHT: TM25/2855	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	Kg			
1	VU TRUNG KIEN	RP3	05	1	7			81	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN TRỌNG TUAN	RP3				5	90	85	KHI	Vietnamese
3	LE ĐỨC VIỆT	RP3	06	1	3			71	KHI	Vietnamese
4	BUI VAN PHU	RP3	98	1	3			72	KHI	Vietnamese
5	HA VAN THUY	RP3	99	1	4			67	KHI	Vietnamese
6	NGUYEN CHINH THI	RP3	07	1	6			74	KHI	Vietnamese
7	HA QUANG TRUNG	RP3	10-11	2	25			52	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐOÀN NGỌC THƯƠNG	RP3	03	1	12			82	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN ĐỨC TUAN	RP3	01-02	2	14			72	KH-THAC	Vietnamese
10	PHAN THANH CONG	RP3	04	1	4			65	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN THANH HOAI	RP3						105	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN QUỐC VIỆT	RP3	08	1	5			61	KHI	Vietnamese
13	TRẦN XUÂN TRÁ	RP3	09	1	6			69	KHI	Vietnamese
14	NGUYEN HUU TRINH	RP3	95	1	9			74	KHI	Vietnamese
15	NGUYEN TAN HOANG	RP3	96	1	7			66	KHI	Vietnamese
16	NGUYEN DINH TUYEN	RP3	91-92	2	13			62	KHI	Vietnamese
17	NGUYEN VAN TRUONG	RP3	94	1	6			60	KHI	Vietnamese
18	TRẦN QUANG SÔNG	RP3	93	1	6			73	KHI	Vietnamese
19	TRẦN THANH HAI	RP3	97	1	3			60	PSV	Vietnamese
20	NGUYEN VAN SA	RP3	90	1	7			68	PSV	Vietnamese
21	NGUYEN PHẠM TUÂN ANH	RP3	89	1	8			63	PSV	Vietnamese
22	NGUYEN NGOC ANH	RP3	700	1	7			77	PSV	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RP3	22	1.559	23	155	5	90	16		
2	BK16	0	0	0	0	0	0	2		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>1.559</b>	<b>23</b>	<b>155</b>	<b>5</b>	<b>90</b>	<b>18</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.559</b>		<b>155</b>		<b>90</b>			

GRAND TOAL: 1.804 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CREW



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 30/07/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 616	ETD: 07:45
B.CARD: TRANG/A	TO: RP3	CREW: ATUẤN - MẠNH	ETA: 09:35
VSP FLIGHT: 4		VNHS FLIGHT: TM25/2853	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	Kg			
1	LÊ HOÀNG ANH	RP3	94	1	5			67	KHI	Vietnamese
2	NGUYỄN HOÀNG NAM	RP3	73	1	4			82	KHI	Vietnamese
3	ĐƯƠNG HỒNG QUẬN	RP3	74	1	4			74	KHI	Vietnamese
4	NGUYỄN QUỐC CƯỜNG	RP3	75-76	2	11			75	KHI	Vietnamese
5	PHẠM VĂN THIẾT	RP3	676	1	8			64	KHI	Vietnamese
6	NGUYỄN Q. BAO BÌNH	RP3	675	1	4			60	KHI	Vietnamese
7	TRINH QUANG HUY	RP3						68	KHI	Vietnamese
8	LÊ XUÂN HIỀN	RP3	98	1	6			79	KHI	Vietnamese
9	LÊ HỮU ĐẠT	RP3	95-96	2	10			72	KHI	Vietnamese
10	HỒ HỮU PHƯƠNG	RP3	81	1	8			72	KHI	Vietnamese
11	NGUYỄN MINH HÙNG	RP3	80	1	9			73	KHI	Vietnamese
12	HỒ VĂN ĐẠT	RP3	77	1	10			79	KHI	Vietnamese
13	DANH ĐANG	RP3	79	1	7			62	KHI	Vietnamese
14	MAI VĂN TỰ	RP3	97	1	7			65	KHI	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN THỊNH	RP3	99	1	8			80	KHI	Vietnamese
16	VÔ MINH TRUNG	RP3	78	1	8	3	43	67	KHI	Vietnamese
17	PHẠM QUỐC NHI	RP3	500	1	8	1	21	65	KHI	Vietnamese
18	HOÀNG VĂN CHÍNH	RP3	37	1	6			70	KHI	Vietnamese
19	NGUYỄN XUÂN HỢP	RP3	93	1	8			77	KHI	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RP3	19	1.351	20	131	4	64	16		
<b>TOTAL</b>		<b>19</b>	<b>1.351</b>	<b>20</b>	<b>131</b>	<b>4</b>	<b>64</b>	<b>16</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.351</b>		<b>131</b>		<b>64</b>			

GRAND TOAL: 1.546 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐỖ THỊ HẢI YẾN

CREW

ĐOÀN ANH TUẤN

ĐẶNG NGỌC MẠNH





# FLIGHT MANIFEST



DATE: 30/07/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:50
B.CARD: XANH-2	TO: RC3 - MRM	CREW: HUNG - TTRUNG - VU	ETA: 11:40
VSP FLIGHT: 5		VNHS FLIGHT: TM25/2848	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	Kg			
1	HỒ NGỌC BÈN	RC3	13	1	13	2	27	70	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN THANH LUÂN	RC3	16	1	10			60	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN NGÀ	RC3	14	1	9			63	KH-THAC	Vietnamese
4	NGÔ HOANG NAM	RC3	15	1	14			77	KH-THAC	Vietnamese
5	ARUSHANOV SERGEY	MRM	24	1	14			118	KHOAN	Russian
6	NGUYỄN VĂN THỜI	MRM	28	1	12			65	KHOAN	Vietnamese
7	LÊ HAI NGẠN	MRM	39	1	11			59	KHOAN	Vietnamese
8	LẠI CAO THANH	MRM	41	1	14			63	KHOAN	Vietnamese
9	HỒ MINH TRINH	MRM	40	1	9			73	KHOAN	Vietnamese
10	KOTIKOV ALEXEY	MRM	35-36	2	21			110	AMNGR	Russian
11	SYCHEV VALERII	MRM	25	1	18			92	AMNGR	Russian
12	BOYCHUK VALERY	MRM	37	1	12			67	AMNGR	Russian
13	SHAKIN MIKHAIL	MRM	31-32	2	17			88	AMNGR	Russian
14	CHAGOVETS ALEKSANDR	MRM	26	1	15	1	10	74	AMNGR	Russian
15	KVARTNIKOV ANTON	MRM	33-34	2	15			110	AMNGR	Russian
16	ZASTAVNYI VASILII	MRM	44	1	11			77	AMNGR	Russian
17	BREDIN IURII	MRM	29-30	2	14			102	AMNGR	Russian
18	NIKULIN ALEXANDER	MRM	38	1	17			85	AMNGR	Russian
19	LÊ THANH TUNG	MRM	45-46	2	13			78	AMNGR	Vietnamese
20	ĐẬU MINH HIỆP	MRM	42-43	2	16			57	AMNGR	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RC3	4	270	4	46	2	27	0		
2	MRM	16	1.318	22	229	1	10	22		
<b>TOTAL</b>		<b>20</b>	<b>1.588</b>	<b>26</b>	<b>275</b>	<b>3</b>	<b>37</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.588</b>		<b>275</b>		<b>37</b>			

GRAND TOAL: 1.900 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

HOÀNG THỊ THỦY

CREW

LÊ QUÝ HUNG  
NGUYỄN THÀNH TRUNG



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 30/07/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:55
B.CARD: CAM - 2	TO: RC10 - RP2 - MRM	CREW: DƯƠNG - N.CƯƠNG - HUY	ETA: 11:45
VSP FLIGHT: 6		VNHS FLIGHT: TM25/2851	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	Kg			
1	TRINH HUU CAN	RP2	57	1	14	2	32	74	KH-THAC	Vietnamese
2	DO VAN HIEU	RP2	39	1	11			78	KH-THAC	Vietnamese
3	PHAN QUANG VU	RP2	59	1	17			70	KH-THAC	Vietnamese
4	LE QUANG DAO	RP2	44-45	2	16			77	KH-THAC	Vietnamese
5	BENHELLAL HO TIDJANI MOHAMED S	RP2	60-61	2	29			94	THIEN NAM	Algeria
6	LE DUC TIEN	RP2	42	1	11			70	THIEN NAM	Vietnamese
7	DOAN HUU TRUYEN	RP2	41	1	5			59	THIEN NAM	Vietnamese
8	VO THANH SON	RP2	52-53	2	14			61	THIEN NAM	Vietnamese
9	TRAN VAN DAI	RP2	43	1	9			71	THIEN NAM	Vietnamese
10	DAO HUU HAO	RP2	56	1	9			67	THIEN NAM	Vietnamese
11	NGUYEN TAT PHONG	RP2	58	1	13			76	THIEN NAM	Vietnamese
12	VO VAN CHUNG	RP2	40	1	15			63	THIEN NAM	Vietnamese
13	NGUYEN THANG	RP2	46	1	8			65	THIEN NAM	Vietnamese
14	VU HAI TRIEU	RP2	49	1	12			77	THIEN NAM	Vietnamese
15	TRAN VAN GIAP	RP2	47-48	2	13			80	THIEN NAM	Vietnamese
16	LE VAN QUAN	RP2	54	1	5			62	THIEN NAM	Vietnamese
17	PHAN HUY KHAI	RP2	50-51	2	7			64	THIEN NAM	Vietnamese
18	TA KIM HAI	RP2	55	1	7			88	DVL	Vietnamese
19	FILATOV SERGEY	MRM	33	1	14			115	AMNGR	Russian
20	KOROL YURIY	MRM	20-21	2	15			82	AMNGR	Russian

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RC10	0	0	0	0	1	20	0	2	CHUYEN 2 PAX RC10-RP2
2	RP2	18	1.296	23	215	2	32	18		
3	MRM	2	197	3	29	0	0	3		
<b>TOTAL</b>		<b>20</b>	<b>1.493</b>	<b>26</b>	<b>244</b>	<b>3</b>	<b>52</b>	<b>21</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.493</b>		<b>244</b>		<b>52</b>			

GRAND TOAL: 1.789 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỰC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ KIỀU THU

CREW

BÙI HOÀNG DƯƠNG

PHAN NHƯ CƯỜNG



# FLIGHT MANIFEST



VIETSOVPETRO

DATE: 30/07/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 10:00
B.CARD: VANG-2	TO: P4 - TD1 - VSP01	CREW: LINH - HTRUNG - MQUÂN	ETA: 11:50
VSP FLIGHT: 7		VNHS FLIGHT: TM25/2856	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	Kg			
1	TRUONG THANH GIAP	P4	01	1	4			72	KHI	Vietnamese
2	LUONG THANH VU	P4	07-08	2	8			74	KHI	Vietnamese
3	NGUYEN QUANG HA	P4	02	1	3			67	KHI	Vietnamese
4	LE VAN HUONG	P4	03	1	6			60	KHI	Vietnamese
5	TRAN DUY KHUONG	P4	11	1	3			90	KHI	Vietnamese
6	TRINH XUAN HUYEN	P4	22	1	5			77	KHI	Vietnamese
7	ĐẶNG THÈ HUY	P4	04-05	2	13			94	KHI	Vietnamese
8	LÊ HUY CHUÔNG	P4	21	1	9			55	KHI	Vietnamese
9	NGUYEN VAN ANH	P4	13	1	5			66	KHI	Vietnamese
10	NGUYEN THANH GIAP	P4	10	1	3			67	KHI	Vietnamese
11	PHẠM HỮU THỌ	P4	06	1	7			65	KHI	Vietnamese
12	HOANG THAI DUONG	P4	09	1	3			71	KHI	Vietnamese
13	NGUYEN VAN THINH	P4	23	1	3			73	KHI	Vietnamese
14	NGUYEN DINH QUYNH	P4	16-17	2	13			68	KHI	Vietnamese
15	ĐỖ ĐÌNH TRƯỞNG	P4	18-19	2	17			58	KHI	Vietnamese
16	LÊ VĂN LỰC	P4	20	1	10			67	KHI	Vietnamese
17	LÊ VŨ LỰC	P4	15	1	8			76	KHI	Vietnamese
18	TRẦN MINH TRUNG	P4	14	1	8			65	KHI	Vietnamese
19	NGUYEN VAN CHON	P4	12	1	9			72	KHI	Vietnamese
20	ĐẶNG QUỐC ĐẠT	TD1	88	1	12	3	34	78	DVL	Vietnamese
21	NGUYEN VAN THU	TD1	89	1	15			65	DVL	Vietnamese
22	NGUYEN VAN NAM (CN)	TD1	86-87	2	20			70	DVL	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P4	19	1.337	23	137	0	0	19		
2	TD1	3	213	4	47	3	34	0		
3	VSP01	0	0	0	0	0	0	2		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>1.550</b>	<b>27</b>	<b>184</b>	<b>3</b>	<b>34</b>	<b>21</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.550</b>		<b>184</b>		<b>34</b>			

GRAND TOAL: 1.768 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐẶNG THÚY ANH

CREW

NGÔ VĂN LINH

NGUYỄN ĐỨC HẠNH TRUNG



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 30/07/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 616 G14	ETD: 10:15
B.CARD: TRANG-2	TO: RP2 - RCDM - RC8 - RP1	CREW: ATUÁN - MẠNH	ETA: 12:05
VSP FLIGHT: 8		VNHS FLIGHT: TM25/2854	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	Kg			
1	TRAN NGOC TIN	RP2	87	1	8			57	THIENNAM	Vietnamese
2	TRAN QUOC TUAN	RP2	88	1	11	3	33	74	THIENNAM	Vietnamese
3	NGUYEN NGHIA TUONG	RP2						73	THIENNAM	Vietnamese
4	NGUYEN XUAN ĐÔNG	RC8	84	1	13			68	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN TRUONG SINH	RC8	83	1	8			72	DVL	Vietnamese
6	PHẠM HAI LONG	RC8	78	1	17	3	43	77	DVL	Vietnamese
7	VŨ ANH TRỌNG	RC8	79	1	14			67	DVL	Vietnamese
8	BẢN PHÚC LONG	RC8	80	1	15			73	DVL	Vietnamese
9	NGUYỄN THANH TRUNG.	RC8	81-82	2	13			69	DVL	Vietnamese
10	NGUYEN XUAN DU	RP1	45	1	10			71	KH-THAC	Vietnamese
11	HA QUOC VINH	RP1	49	1	6			70	PSV	Vietnamese
12	ĐINH BA THẮNG	RP1	46	1	7	4	59	68	PSV	Vietnamese
13	TRẦN ĐÌNH LÂM MINH	RP1	48	1	6			60	PSV	Vietnamese
14	PHẠM LÊ ANH TÙNG	RP1	50-51	2	11			51	DUY LINH	Vietnamese
15	VŨ NGỌC TUÂN	RP1	47	1	11			63	DUY LINH	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RP2	3	204	2	19	3	33	0		
2	RCDM	0	0	0	0	0	0	0	3	CHUYEN 1 PAX RCDM-RC8; 2 PAX RCDM-RP1
3	RC8	6	426	7	80	3	43	0		
4	RP1	6	383	7	51	4	59	16		
<b>TOTAL</b>		<b>15</b>	<b>1.013</b>	<b>16</b>	<b>150</b>	<b>10</b>	<b>135</b>	<b>16</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.013</b>		<b>150</b>		<b>135</b>			

GRAND TOAL: 1.298 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ NGỌC HÀ

CREW

ĐOÀN ANH TUẤN  
ĐẶNG NGỌC MẠNH

Fuel 1550 kgs < (Chánh) 10h30



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 30/07/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 12:10
B.CARD: XANH-3	TO: CTC1 - PPD	CREW: QVIỆT - M.ĐỨC - NNAM	ETA: 14:00
VSP FLIGHT: 9		VNHS FLIGHT: TM25/2849	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	Kg			
1	VŨ TRỌNG NHIÊN	CTC1	34	1	14	6	85	60	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN TIÊN QUY	CTC1	33	1	10			75	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN HOANG AN	CTC1	35	1	11			74	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN NGỌC ĐẠO	CTC1	81-82	2	19			66	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐÀO VIỆT HÙNG	PPD	97	1	9			64	KHI	Vietnamese
6	TRẦN NGỌC LINH	PPD	91-92	2	5			66	KHI	Vietnamese
7	LÊ HUY VINH	PPD	300	1	6			63	KHI	Vietnamese
8	ĐÀO ANH TUẤN	PPD	54	1	3			64	KHI	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN CHIẾN	PPD	85	1	9			55	KHI	Vietnamese
10	HOANG MINH THUẬN	PPD	76	1	7			69	KHI	Vietnamese
11	NGUYỄN ĐỨC PHÚC	PPD	79	1	11			56	KHI	Vietnamese
12	PHAN QUY DUNG	PPD	77	1	11			63	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYỄN TRUNG SỸ	PPD	80-81	2	20			59	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYỄN TIÊN HAI	PPD	87-88	2	14			52	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYỄN QUỐC DƯƠNG	PPD	86	1	14			64	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYỄN ĐÌNH HÙNG	PPD	82	1	9			67	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYỄN NGỌC QUÂN	PPD	98-99	2	11			54	XAYLAP	Vietnamese
18	VŨ VĂN QUANG	PPD	89-90	2	17			65	XAYLAP	Vietnamese
19	HÀ TUẤN DUNG	PPD	95-96	2	20			67	XAYLAP	Vietnamese
20	NGUYỄN ĐỨC TUYẾN	PPD	93-94	2	18			77	XAYLAP	Vietnamese
21	TRẦN VĂN TRƯỜNG	PPD	78	1	16			76	XAYLAP	Vietnamese
22	ĐÀO TRUNG KIẾN	PPD	83-84	2	21			80	XAYLAP	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	CTC1	4	275	5	54	6	85	0		
2	PPD	18	1.161	26	221	0	0	22		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>1.436</b>	<b>31</b>	<b>275</b>	<b>6</b>	<b>85</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.436</b>		<b>275</b>		<b>85</b>			

GRAND TOAL: 1.796 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN PHƯƠNG ANH

CREW

NGUYỄN QUANG VIỆT

NGUYỄN MINH ĐỨC



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 30/07/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 12:15
B.CARD: CAM-3	TO: P2 - P11 - P9	CREW: KHOÀN - NPHÚ - QTRƯỜNG	ETA: 14:05
VSP FLIGHT: 10		VNHS FLIGHT: TM25/2852	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	Kg			
1	ĐOÀN VĂN DU	P2	83	1	3			73	KH-THAC	Vietnamese
2	HOANG VAN THUYET	P2	69-70	2	16			63	XAYLAP	Vietnamese
3	LUU CONG DINH	P2	574	1	8			60	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYEN TIEN TRONG	P2	579-580	2	15			81	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYEN HAI NAM	P2	66	1	10			77	XAYLAP	Vietnamese
6	PHAN VAN DUONG	P2	65	1	13			68	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYEN TIEN SY	P2	67-68	2	12			73	XAYLAP	Vietnamese
8	BUI DINH NGOC	P2	82,84	2	14	2	35	50	XAYLAP	Vietnamese
9	PHAN TIEN DUNG	P2	581	1	7	1	10	67	XAYLAP	Vietnamese
10	MAI XUAN TOAN	P2	85	1	15			63	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYEN XUAN DUC	P2	80-81	2	18			72	XAYLAP	Vietnamese
12	PHAM TIEN DANG	P2	71-72	2	18			53	XAYLAP	Vietnamese
13	TRINH VAN TU	P2	577	1	7	1	15	67	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYEN THANH NAM	P2	64	1	14			74	XAYLAP	Vietnamese
15	ĐÀO VĂN HOÀN	P2	74	1	7	1	20	67	XAYLAP	Vietnamese
16	NHÂM ĐÌNH THUẬN	P2	75	1	9	1	13	62	XAYLAP	Vietnamese
17	TRẦN XUÂN NGỌC	P2	78	1	10	1	11	78	XAYLAP	Vietnamese
18	BUI LONG HUNG	P2	76	1	4			69	PSV	Vietnamese
19	TRẦN ĐÌNH QUANG	P2	73	1	6			70	PSV	Vietnamese
20	NGUYEN MINH GIAU	P2	77	1	4			67	PSV	Vietnamese
21	LE VAN DONG	P11	08	1	8	1	15	60	XAYLAP	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P2	20	1.354	26	210	7	104	4		
2	P11	1	60	1	8	1	15	4		
3	P9	0	0	0	0	0	0	2		
<b>TOTAL</b>		<b>21</b>	<b>1.414</b>	<b>27</b>	<b>218</b>	<b>8</b>	<b>119</b>	<b>10</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.414</b>		<b>218</b>		<b>119</b>			

GRAND TOAL: 1.751 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

HOÀNG THỊ THỦY

CREW

ĐỖ XUÂN HOÀN   
ĐÀO NGỌC PHÚ



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 30/07/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 12:20
B.CARD: VANG - 3	TO: P8 - P10 - THOR	CREW: LINH - SON - TOAN	ETA: 14:10
VSP FLIGHT: 11		VNHS FLIGHT: TM25/2857	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	Kg			
1	TRẦN ĐÌNH THỌ	P10	98	1	8	1	20	78	XAYLAP	Vietnamese
2	TRẦN DUY ANH	P10	02-03	2	18			69	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYỄN GIA HIỆU	P10	99	1	17			62	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYỄN NGỌC MẠNH THĂNG	P10	28-29	2	13			68	XAYLAP	Vietnamese
5	ĐẶNG HUY CẬN	P10	50	1	13			64	XAYLAP	Vietnamese
6	PHẠM VĂN QUYÊN	P10	26	1	1	1	17	72	XAYLAP	Vietnamese
7	LÊ XUÂN LẬP	P10	40	1	15			66	XAYLAP	Vietnamese
8	LẠI ĐĂNG ROONG	P10	97	1	17			69	XAYLAP	Vietnamese
9	HOANG HUU VINH QUY	P10	40	1	17			78	CODIEN	Vietnamese
10	NGUYỄN NGỌC KHOA	P10	99,400	2	19			92	CODIEN	Vietnamese
11	NGUYỄN TRỌNG TUÂN	P10	77	1	18	2	17	69	CODIEN	Vietnamese
12	LÊ TRỌNG TUYẾN	P10	85	1	10			60	CODIEN	Vietnamese
13	NGUYỄN PHẠM DUY KHANG	P10	198-199	2	11			79	CODIEN	Vietnamese
14	NGUYỄN ANH QUANG	P10	38-39	2	11			60	PSV	Vietnamese
15	TRAN XUAN CUONG	THOR	76	1	6			70	PSV	Vietnamese
16	DINH EM	THOR	77	1	4			64	PSV	Vietnamese
17	PHẠM VĂN SAU	THOR	75	1	7			63	PSV	Vietnamese
18	DENIS KHAZEYEV	THOR	74	1	11			78	KHOAN	Russian

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P8	0	0	0	0	0	0	3 + 1	CHUYEN 1 PAX P8-P10	
2	P10	14	986	19	188	4	54	0		
3	THOR	4	275	4	28	0	0	19		
<b>TOTAL</b>		<b>18</b>	<b>1.261</b>	<b>23</b>	<b>216</b>	<b>4</b>	<b>54</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.261</b>		<b>216</b>		<b>54</b>			

GRAND TOAL: 1.531 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ KIỀU THU

CREW

NGÔ VĂN LINH

PHẠM THÁI SƠN